

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành quy chế Công bố thông tin
của Công ty Cổ phần Dệt – May Nha Trang**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được Chính phủ thông qua ngày 31/12/2020;
- Thông tư Thông tư 96/2020/TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được Bộ Tài chính thông qua ngày 16/11/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dệt – May Nha Trang;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 457 ngày 15/11/2021

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này là "Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Dệt – May Nha Trang".

Đính kèm Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Dệt – May Nha Trang.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và là cơ sở để tiến hành việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Dệt – May Nha Trang.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



ĐẶNG VŨ HÙNG

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HDQT;
- Ban Tổng Giám Đốc;
- Thư ký công ty;
- UBCKNN, HNX, Website;
- Lưu.



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT – MAY NHA TRANG.**

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Ban hành .15/.11./2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Tài liệu tham khảo.....	3
Điều 3. Các chữ viết tắt	4
Điều 4. Giải thích từ ngữ	4
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin	4
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin.....	5
Điều 7. Lưu đồ thực hiện	6
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin	7
CHƯƠNG III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN	8
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan	8
Điều 10. Triển khai thực hiện.....	8
PHỤ LỤC 1: NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN	9
PHỤ LỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ	10
PHỤ LỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG	17
PHỤ LỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU	30
PHỤ LỤC 5: CÔNG BỐ THÔNG TIN CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	31
PHỤ LỤC 6: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	43
PHỤ LỤC 7: CÁC MẪU BIỂU	48

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người công bố thông tin.
- b) Các phòng ban liên quan gồm: CQ, Tổng Giám đốc, Phòng Tài chính kế toán, Phòng/Ban liên quan, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Người quản trị Công ty.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng ("**Thông tư 118**");
- Thông tư 122/2020/TT-BTC hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế ("**Thông tư 122**");
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban
- Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK HN ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDCK HN ngày 29 tháng 09 năm 2016 của Tổng giám đốc SGDCK HN;
- Căn cứ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý thông tin công ty dành cho công ty niêm yết/dăng ký giao dịch trên sàn HNX (CIMS);
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Dệt – May Nha Trang
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK HN/HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- CBTT : Công bố thông tin
- HDQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- CQ. TGD : Cơ quan Tổng Giám đốc
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Người nội bộ của Công ty* là những người được quy định tại Khoản 10 Điều 1 Điều lệ Công ty.
2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.
3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK HN hoặc ngày UBCKNN, SGDCK HN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
 - Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
 - Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).
7. *Người công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
8. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 11 Điều lệ Công ty.
9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK;
4. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.
5. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
6. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện công khai thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5		Báo in, Báo điện tử, v.v...

(*) Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo

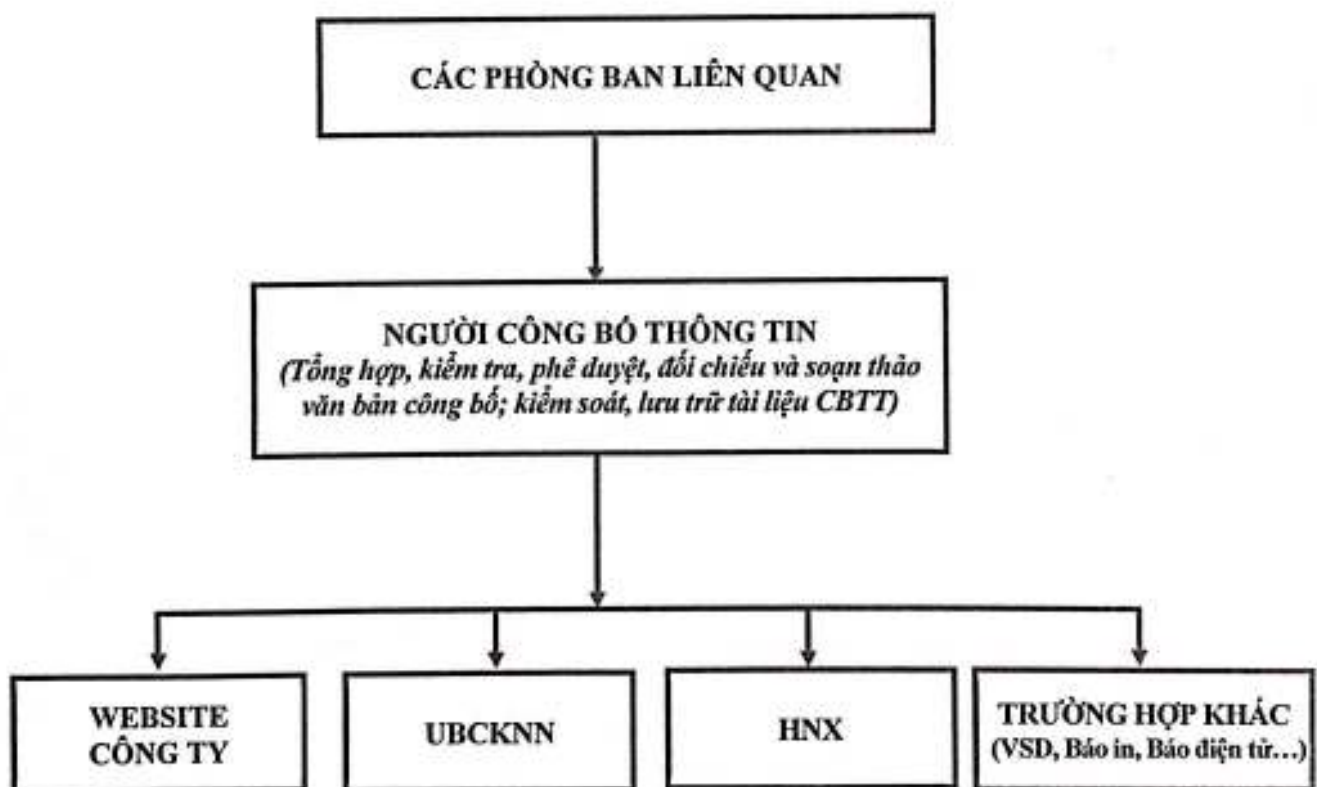
quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

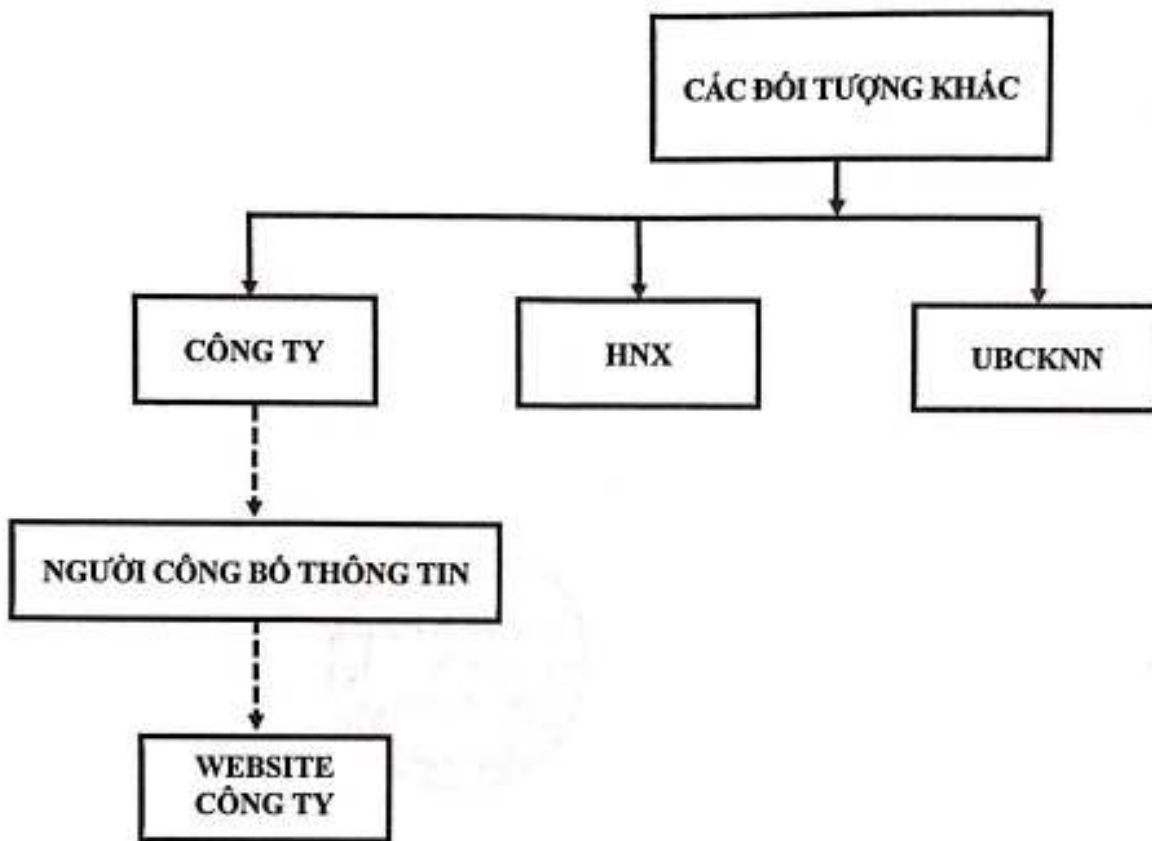
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)



Ghi chú: ———> : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX
- - - -> : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng ban liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế CBTT này.
2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 6 Quy chế CBTT này

CHƯƠNG III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định của pháp luật và quy chế này.
2. Trưởng các phòng/ban liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT.

Điều 10. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

Nơi nhận:

- Lưu VPCT.
- BKS
- HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ✓

Chủ tịch HĐQT



DẶNG VŨ HÙNG

PHỤ LỤC 1: NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	NƠI NHẬN/ CÔNG BỐ	THỜI HẠN THEO QĐPL	NGƯỜI THỰC HIỆN/GHI CHÚ	CSPL
1	Lập hoặc thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	03 ngày làm việc , kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử	Công bố thông tin, báo cáo trên: + Website Công ty của công ty; + Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Điểm b Khoản 2 Điều 7 Thông tư 96
2	Ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin (đại diện pháp luật ủy quyền)	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực	+ Giấy ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục I Thông tư 96; + Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục III Thông tư 96;	Khoản 1, Điều 6 Thông tư 96

			<p>15/11, 15/2 hàng năm)</p>	<p>quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.</p> <p>+ Khi công bố thông tin, phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</p> <p>b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</p>
<p>3</p> <p>Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (đối với công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)</p>	<p>- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm</p>	<p>Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 42 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính (13/8 hàng năm)</p>	<p>+ Phòng Tài chính Kế toán;</p> <p>+ Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty.</p> <p>+ Bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp.</p>

			tài chính (30/8 hàng năm)		+ Phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (30/3 năm sau)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 85 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (25/3 hàng năm)	+ Phòng Tài chính Kế toán; + Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; + Phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.
Báo cáo tình hình quản trị (Điều 10, Điều 14 Thông tư 96, Quy chế HNX)					
5	Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm	- UBCKNN - SGDCK	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết	+ Phòng Pháp chế soạn thảo, Phòng Tài chính Kế toán cung cấp thông tin.

		+ Phụ lục V Thông tư 96	
		- Website Công ty	tháng đầu năm (30/7 hằng năm)
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty hàng năm	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	thứ 06 tháng đầu năm (15/7 hằng năm) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (15/01 hằng năm)
7	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty	SGDCK	Theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty
8	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm dương lịch	SGDCK	Chậm nhất ngày 15/7 Chậm nhất là ngày 30/7
9	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng cuối năm dương lịch.	SGDCK	Chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo Chậm nhất ngày 15/1 năm tiếp theo
			+ Điều 11 Quy chế HNX + Mẫu 09_CBT/SGDHN + Phòng Tài chính Kế toán; + Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6 (Điều 10 Quy chế HNX) + Mẫu 01_CBT/SGDHN + Phòng Tài chính Kế toán + Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12

					(Điều 10 Quy chế HNX) + Mẫu 01_CBT/SGDHN
10	Báo cáo thường niên	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (20/4 năm sau)	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (10/4 hàng năm)	+ Phòng Tài chính kế toán; Phòng Hành chính Nhân sự; Phòng Đầu tư & Phát triển cung cấp thông tin. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán. + Phòng Pháp chế tổng hợp trình ký + Phụ lục IV Thông tư 96
Đại hội đồng cổ đông thường niên (Điều 10, Điều 14 Thông tư 96; Điều 273 Nghị định 155; Điều 9, Điều 10 Quyết định 02)					
11	Thông báo lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 21 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Phòng Tài chính Kế toán
12	Ngày đăng ký cuối cùng để tham dự	- UBCKNN - SGDCK	Tối thiểu 20 ngày trước ngày	Tối thiểu 21 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	+ Phòng Tài chính Kế toán + Phòng Pháp chế

	<p>hợp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>VSD - Website Công ty</p>	<p>đăng ký cuối cùng dự kiến</p>		<p>+ Mẫu 07-THQ Tài liệu kèm theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quyết định 02.</p>
<p>13</p>	<p>Hợp DHDCEB thường niên và tài liệu hợp</p>	<p>- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty</p>	<p>Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn</p>	<p>Chậm nhất 25 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn</p>	<p>+ Phòng Tài chính Kế toán cung cấp các tài liệu sau: - Báo cáo kết quả kinh doanh và Kế hoạch sản xuất kinh doanh; - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán. - Danh sách cổ đông có quyền dự họp. + Ban kiểm soát cung cấp Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; + Phòng Pháp chế chuẩn bị các tài liệu sau: - Thư mời họp; - Chương trình họp; - Quy chế tổ chức DHDCEB; - Báo cáo hoạt động của HDQT; - Các tờ trình xin ý kiến; - Phiếu biểu quyết; - Dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết; - Dự thảo Biên bản kiểm phiếu.</p>

					<p>Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu hợp DHDCE, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)</p>
14	<p>Biên bản họp, Nghị quyết của DHDCE và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội (tổ chức họp)</p>	<p>- UBCKNN - SGDC - Website - Công ty</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	<p>Phòng Pháp chế</p>

PHỤ LỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Điều 11 Thông tư 96, Mẫu 08 Quy chế HNX)

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	NƠI NHẬN/CÔNG BỐ	THỜI HẠN THEO QDPL	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	NGƯỜI THỰC HIỆN/GHI CHÚ
Đại hội đồng cổ đông bất thường					
1	Tổ chức họp (Công bố các thông tin như ĐHCĐ thường niên)	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	/	/	+ Phòng Tài chính Kế toán + Phòng Pháp chế
2	Thông báo lập danh sách cổ đông có quyền đưa ý kiến bằng văn bản	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 21 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Phòng Tài chính Kế toán
2	Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Tối thiểu 21 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	+ Phòng Tài chính Kế toán + Phòng Pháp chế Mẫu 07-THQ Tài liệu kèm theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quyết định 02.

3	Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản công ty đại chúng	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Tối thiểu 11 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	+ Phòng Tài chính Kế toán + Phòng Pháp chế Công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
4	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Pháp chế
5	ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Pháp chế Kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn
Các sự kiện quan trọng về tài chính, đầu tư					
6	Ban hành, sửa đổi, bổ sung chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)

7	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
8	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất; Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
9	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)

10	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Đầu tư và Phát Triển Phòng Tài chính Kế toán Tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ) Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
11	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn. Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
12	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)

	sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.						SGDCK: Đăng ký theo Mẫu 06_CBT/SGDHN trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định thay đổi
13	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)		
14	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)		
15	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)		



Handwritten signature or mark.

16	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
17	Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp (<i>sau khi thay đổi kỳ kế toán</i>)	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới (30/3).	Trong thời hạn 8 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 85 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới (25/3)	Phòng Tài chính Kế toán Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
18	Nhận được: - Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; hoặc	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)

	- Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế					
19	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)	
20	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)	
21	+ Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính; hoặc + Báo cáo tài chính có điều chỉnh hỏi tố	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Công bố theo quy định công bố thông tin định kỳ đối với báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính quý	/	Phòng Tài chính Kế toán Phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hỏi tố báo cáo tài chính	
Biến động liên quan đến cổ phiếu/ trái phiếu						

22	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ;	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
23	Thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết do công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	24 giờ tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	12 giờ tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
24	Thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết do công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.	Trong thời hạn - 7 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)

25	Thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết do công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	24 giờ tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả	12 giờ tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
26	Ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
27	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
28	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
Biến động về nhân sự					

29	Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Hành chính Nhân sự, Phòng Pháp chế Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có) + Phụ lục III Thông tư 96 SGDCK: Gửi kèm quyết định/ngợi quyết về việc thay đổi nhân sự + Mẫu 02_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN
30	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ	SGDCK	03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	02 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Phòng Hành chính Nhân sự Mẫu 04_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN
31	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Hành chính Nhân sự, Phòng Pháp chế Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
Các sự kiện quan trọng về hành chính, pháp luật					

32	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Pháp chế Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có) Mẫu 05_CBTT/SGDHN và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi
33	Thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Pháp chế Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
34	Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Pháp chế Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
35	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Pháp chế Nêu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)

36	Thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Hành chính Nhân sự Phòng Pháp chế Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
36	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 20 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
37	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Pháp chế Nếu rõ sự kiện, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)
38	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Pháp chế
39	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn.	SGDCK	Trong vòng 05 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn	Trong vòng 05 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn	Phòng Pháp chế

		công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn	công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn		
40	<p>Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.</p>	SGDCK	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày việc trước ngày đăng ký cuối cùng</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng</p>	Phòng Pháp chế

PHỤ LỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	NƠI NHẬN/ CÔNG BỐ	THỜI HẠN THEO QĐPL	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	NGƯỜI THỰC HIỆN/GHI CHÚ
1	Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	- UBCKNN - SGDCK - Website Công ty	24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Pháp chế Phòng, ban liên quan.
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó				+ Phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; + Nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)

PHỤ LỤC 5: CÔNG BỐ THÔNG TIN CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	NƠI NHẬN/CÔNG BỐ	THỜI HẠN CBTT	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	NGƯỜI THỰC HIỆN/ GHI CHÚ	CSPL
I.	Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn					
1	Chào bán chứng khoán riêng lẻ					
1.1	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ (Điều 48 Nghị định 155)					
	Kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ	- Báo cáo UBCKNN; - CBTT trên Website Công ty, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức (nếu có), SGDCK	10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	08 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Phòng Tài chính Kế toán; Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán	
1.2	Chào bán trái phiếu riêng lẻ (Nghị định 153/2020/ND-CP, Thông tư 122/2020/TT-BTC)					



Handwritten signature or mark.

i	Trước đợt chào bán	<ul style="list-style-type: none"> - Cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu (Văn bản giấy, văn bản điện tử); - Gửi nội dung công bố thông tin cho SGDCK (văn bản điện tử qua Chuyển trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của SGDCKHN). 	01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu	01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu	Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Pháp chế Riêng đối với chào bán trái phiếu xanh, doanh nghiệp phát hành phải CBTT về quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh	Phụ lục I Thông tư 122
ii	Kết quả chào bán trái phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu (Văn bản giấy, văn bản điện tử, Website Công ty, Chuyển trang thông tin về trái 	10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu	7 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu	Phòng Tài chính Kế toán	Phụ lục II Thông tư 122
iii	Công bố thông tin định kỳ cho đến	<ul style="list-style-type: none"> - 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính (30/8) 	- 50 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu	Phòng Tài chính Kế toán	Phòng Tài chính Kế toán	

	khí trái phiếu đáo hạn	phiếu doanh nghiệp tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội); - Gửi nội dung công bố thông tin cho SGDCK (vấn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của SGDCKHN).	- 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (30/3 năm sau)	- 80 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (30/3 năm sau)	
iv	Thay đổi điều khoản trái phiếu đã phát hành	- SGDCK; - Website Công ty	/	/	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế
2	Chào bán chứng khoán ra công chúng (Điều 41 Nghị định 155, Thông tư 118)				
2.1	Trước khi chào bán: Công bố Bản	- 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào	Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng	Chứng khoán chi được chào bán ra công
					Điều 41 Nghị định 155

	thông báo phát hành	- Website Công ty, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức - SGDCK	bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	chứng sau khi đã công bố.	Mẫu cho từng trường hợp tại Điều 4 Thông tư 118
2.2	Trước khi chào bán: Công bố Bản cáo bạch chính thức	- Website Công ty, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức - SGDCK	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế	Điều 41 Nghị định 155
2.3	Kết quả chào bán	- Báo cáo UBCKNN; - CBTT trên Website Công ty, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức (nếu có), SGDCK	10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	08 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	+ Phòng Tài chính Kế toán; + Kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán	Điều 41 Nghị định 155 Mẫu cho từng trường hợp tại Điều 5 Thông tư 118
2.4	Thay đổi điều khoản trái	- SGDCK; - Website Công ty	/	/	Phòng Tài chính Kế toán;	Khoản 6 Điều 7 Nghị định 155

	phiếu đã phát hành				Phòng Pháp chế	
3	Chào bán, phát hành khác					
3.1	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	- SGDCK; - Website công ty	ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành (là ngày đang ký cuối cùng để phân bổ quyền)	ít nhất 09 ngày làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành (là ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền)	Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Pháp chế Ngày kết thúc đợt phát hành không được quá 45 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo.	Điều 69 Nghị định 155 Mẫu cho từng trường hợp tại Điều 4 Thông tư 118
3.2	Kết quả đợt phát hành	- Báo cáo cho UBCKNN; - Công bố thông tin trên SGDCK; Website công ty	15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành	13 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành	Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Pháp chế	Mẫu cho từng trường hợp tại Điều 4 Thông tư 118

3.3	Thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Theo quy định tại mục 23, 24, 25 Phụ lục 3- Công bố thông tin bất thường của Quy chế này				
4	Báo cáo sử dụng vốn sau khi huy vốn trong các trường hợp mục 1, 2, 3 trên (Nghị định 155, Thông tư 96, Quy chế HNX)					
4.1	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo UBCKNN; - CBTT trên Website Công ty, SGDCK 	Định kỳ 06 tháng , trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được.	Định kỳ 06 tháng , trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được.	Phòng Tài chính Kế toán; Được kiểm toán xác nhận tại ĐHCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận	+ Điều 9 Nghị định 155 + Điều 19 Thông tư 96 + Điều 10 Quy chế HNX + Mẫu 01 Nghị định 155
4.2	Đối với trái phiếu đã phát hành: Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi phát hành trái	<ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN; - SGDCK; - Website Công ty 	Trong thời hạn 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	Trong thời hạn 20 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	Phòng Tài chính Kế toán	Điều 19 Thông tư 96 Phụ lục VI Thông tư 96

	phiếu ra công chúng					
4.3	Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành	- Báo cáo UBCKNN; - CBT trên Website Công ty, SGDCK	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của HDQT/DHDCĐ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ thời điểm có quyết định của HDQT/DHDCĐ	Phòng Tài chính Kế toán; CBTT lý do thay đổi kèm theo quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi.	+ Điều 9 Nghị định 155 + Mẫu 02 Nghị định 155
5	Các trường hợp chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán khác như phát hành cổ phiếu để hoán đổi, chào bán cổ phiếu ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam, ... thực hiện theo quy định của pháp luật (<i>Nghị định 155, Thông tư 118</i>)					
II. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài (<i>Nghị định 155</i>)						
1	Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	UBCKNN	07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng	/	Phòng Pháp chế Trường hợp chưa thông báo theo thời hạn thì phải thông báo trước khi nộp hồ sơ đăng ký niêm yết, chuyển niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán, phát hành chứng khoán, cổ đông công	Điều 141 Nghị định 155 Trình tự hồ sơ quy định tại Điều 142 Nghị định 155

2	Thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	UBCKNN	30 ngày kể từ ngày xây dựng sự kiện	25 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện	<p>ty đại chúng chào bán cổ phiếu ra công chúng</p> <p>Phòng Pháp chế</p> <p>+ Thay đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty;</p> <p>+ Quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh công ty đang hoạt động có sự thay đổi;</p> <p>+ Điều lệ công ty có quy định thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa</p>	<p>Điều 141 Nghị định 155</p> <p>Trình tự hồ sơ quy định tại Điều 142 Nghị định 155</p>
---	---	--------	-------------------------------------	-----------------------------------	---	---

3	Công bố thông tin mục 1, 2 nêu trên	- SGDCK; - VSD; - Website Công ty.	01 ngày làm việc kể từ khi nhận được xác nhận của UBCKNN	01 ngày làm việc kể từ khi nhận được xác nhận của UBCKNN	Phòng Pháp chế (CSPL còn hiệu lực nhưng hướng dẫn luật cũ, lưu ý cập nhật văn bản)	Khoản 4 Điều 13 Thông tư 123/2015/TT-BTC; Điều 13 Thông tư 96
III. Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ						
1	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình					
1.1	Báo cáo về việc mua lại cổ phiếu của chính mình trước khi thực hiện giao dịch	UBCKNN	Trước khi mua lại cổ phiếu của chính mình	Trước khi mua lại cổ phiếu của chính mình	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế	Mục IV Thông tư 118
1.2	CBTT về việc mua lại cổ phiếu sau khi được UBCKNN nhận đủ tài liệu	- UBCKNN; - SGDCK; - Website Công ty	07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo	07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo	Phòng Pháp chế	Mục IV Thông tư 118 Phụ lục 36 Thông tư 118

1.3	Kết quả giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo UBCKNN; - CBTT SGDCK, Website Công ty 	10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu	7 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế	Điều 37 Luật Chứng khoán 2019 Mục IV Thông tư 118 Phụ lục 39
1.4	Thay đổi việc mua lại cổ phiếu trong trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh và những trường hợp khác)	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo UBCKNN; - CBTT trên hệ thống: + UBCKNN; + SGDCK; + Website Công ty 	24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi phương án mua lại cổ phiếu	12 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi phương án mua lại cổ phiếu	Phòng Tài chính Kế toán Phòng Pháp chế	Điều 37 Luật Chứng khoán 2019 Điều 11 Thông tư 118 Phụ lục 37
1.5	Sau khi được chấp thuận thay đổi phương án mua lại cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo UBCKNN; - CBTT trên hệ thống: + UBCKNN; + SGDCK; 	24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận	24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận	Phòng Pháp chế	Điều 11 Thông tư 118 Phụ lục 38

		+ Website Công ty				
2	Giao dịch bán cổ phiếu quỹ					
2.1	Việc bán cổ phiếu quỹ trước khi thực hiện giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo UBCKNN; - CBTT trên hệ thống: <ul style="list-style-type: none"> + UBCKNN; + SGDCK; + Website Công ty 	/	/	<ul style="list-style-type: none"> + Phòng Tài chính Kế toán; + Phòng Pháp chế; + Được bán cổ phiếu quỹ sau 24 giờ kể từ khi gửi Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đến UBCKNN 	Điều 13 Thông tư 118/2020/TT-BTC Phụ lục 36
2.2	Kết quả thực hiện giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo UBCKNN; - CBTT trên hệ thống: <ul style="list-style-type: none"> + UBCKNN; 	10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch bán cổ phiếu quỹ	08 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch bán cổ phiếu quỹ	<ul style="list-style-type: none"> Phòng Tài chính Kế toán. 	Điều 13 Thông tư 118/2020/TT-BTC Phụ lục 39

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

PHỤ LỤC 6: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI HẠN CÔNG BỐ	NƠI TIẾP NHẬN BÁO CÁO/ CÔNG BỐ THÔNG TIN	GHI CHÚ
I.	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết. <i>(Điều 31 Thông tư 96)</i>			
1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%	05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%	<ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN; - SGDCCK; - Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư này. - Không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty đại chúng phát hành thêm cổ phiếu.
2	Tổ chức, cá nhân không còn là cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%	05 ngày làm việc, kể từ khi không còn là cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%		<ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục VII Thông tư 96 - Phụ lục VIII Thông tư 96
3	Có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi		









4	Công ty CBTT trong các trường hợp tại mục 1,2,3 nêu trên	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đối tượng công bố	Website Công ty	
II. Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần cho người khác (Điều 32 Thông tư 96)				
1	Trước khi thực hiện giao dịch	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch; Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty đại chúng	Báo cáo: - UBCKNN; - SGDCCK; - VSD; - Công ty	Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng nêu trên theo mẫu quy định tại Phụ lục XI Thông tư 96
2	Sau khi hoàn tất giao dịch	05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Báo cáo: - UBCKNN; - SGDCCK; - VSD; - Công ty	Kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XII Thông tư 96
3	Công ty CBTT trong các trường hợp tại mục 1,2,3 nêu trên	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đối tượng công bố	Website Công ty	
III. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên (Điều 33 Thông tư 96)				








1	Trước khi thực hiện giao dịch	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc	<p>Công bố thông tin và báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN; - SGDCK; - Công ty 	<p>Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chi được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán (<i>trừ giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai</i>)</p> <p>Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chi được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc</p>
---	-------------------------------	---	---	---









				đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký. Phụ lục XIII, Phụ lục XIV Thông tư 96
2	Sau khi hoàn tất giao dịch	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch	Công bố thông tin và báo cáo cho: - UBCKNN; - SGDCK; - Công ty	Trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) Phụ lục XV, Phụ lục XVI Thông tư 96
3	Công ty Công bố thông tin tại mục 1 và 2 nêu trên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo tại mục 1 và 2.	Website Công ty	
IV. Công bố thông tin của Công ty liên quan đến giao dịch chào mua công khai (Điều 35 Thông tư 96, Điều 86 Nghị định 155)				
1	Nhận được đề nghị chào mua công khai của tổ chức, cá nhân	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Website Công ty UBCKNN; SGDCK	/









2	Đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai; đồng thời báo cáo UBCKNN	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Website Công ty UBCKNN; SGDCK	<p>- HDQT công ty phải CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư về đánh giá, khuyến nghị, đồng thời báo cáo UBCKNN</p> <p>- Đánh giá, khuyến nghị của HDQT đối với việc chào mua công khai cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HDQT, Ban đại diện quỹ có ý kiến khác, Hội đồng quản trị, Ban đại diện quỹ phải công bố kèm theo các ý kiến này.</p>
---	--	---	-------------------------------	---




PHỤ LỤC 7: CÁC MẪU BIỂU

STT	File mẫu	Nội dung
1.	 PL 01 - TT96	Giấy ủy quyền công bố thông tin (Phụ lục I Thông tư 96)
2.	 PL03 - TT96	Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Phụ lục III Thông tư 96)
3.	 PL05 - TT96	Báo cáo tình hình quản trị công ty (Phụ lục V Thông tư 96)
4.	 Mẫu 09 - HNX	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Mẫu 09_CBT/SGDHN kèm theo Quy chế HNX)
5.	 Mẫu 01 - HNX	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn (Mẫu 01_CBT/SGDHN kèm theo Quy chế HNX)
6.	 PL 04 - TT96	Báo cáo thường niên (Phụ lục IV Thông tư 96)

7.	 Mau 08 - HNX	Công bố thông tin bất thường (Mẫu 08_CBT/SGDHN kèm theo Quy chế HNX)
8.	 Mau 07 - QD 02	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Mẫu 07-THQ kèm theo Quyết định 02/QĐ-VSD)
9.	 Mau 02 - HNX	Thông báo thay đổi nhân sự (Mẫu 02_CBT/SGDHN kèm theo Quy chế HNX)
10.	 Mau 03 - HNX	Danh sách người nội bộ và những người có liên quan (Mẫu 03_CBT/SGDHN kèm theo Quy chế HNX)
11.	 Mau 04 -HNX	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Mẫu 04_CBT/SGDHN kèm theo Quy chế HNX)
12.	 Mau 05 - HNX	Thông báo thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Mẫu 05_CBT/SGDHN kèm theo Quy chế HNX)
13.	 Mau 06 - HNX	Thông báo thay đổi mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Mẫu 06_CBT/SGDHN kèm theo Quy chế HNX)

14.	 Mẫu 07 - HNX	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trong các trường hợp CBTT bất thường (Mẫu 07_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế HNX)
15.	 PL06 - TT96	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi phát hành trái phiếu ra công chúng (Phụ lục VI Thông tư 96)
16.	 PL07 - TT96	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Phụ lục VII Thông tư 96)
17.	 PL08 - TT96	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ đóng (Phụ lục VIII Thông tư 96)
18.	 PL11-TT96	Thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập (Phụ lục XI Thông tư 96)
19.	 PL12-TT96	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập (Phụ lục XII Thông tư 96)
20.	 PL13-TT96	Thông báo giao dịch của người nội bộ trước khi thực hiện (Phụ lục XIII, Phụ lục XIV Thông tư 96)
	 PL14-TT96	

21.	 PL15-TT96	 PL16-TT96	Báo cáo giao dịch của người nội bộ sau khi hoàn tất (Phụ lục XV, Phụ lục XVI Thông tư 96)
22.	 PL1 - TT122		Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu (Phụ lục I Thông tư 122)
23.	 PL2 - TT122		Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu (Phụ lục II Thông tư 122)
24.	 Mau 01 - ND155		Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/ số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành (Mẫu 01 Nghị định 155)
25.	 Mau 02 - ND155		Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành (Mẫu 02 Nghị định 155)
26.	 PL36 - TT118		Thông báo mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ (Phụ lục 36 Thông tư 118)
27.	 PL37 - TT118		Thông báo quyết định thay đổi phương án mua lại cổ phiếu (Phụ lục 37 Thông tư 118)

28.	 PL38 - TT118	Thông báo thay đổi phương án mua lại cổ phiếu (Phụ lục 38 Thông tư 118)
29.	 PL39 - TT118	Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ (Phụ lục 39 Thông tư 118)
30.	 Mẫu 15 - CBTT	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn (Mẫu 07/THQ Quyết định 02/QĐ-VSD)